

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS - ST

Ngày 15 tháng 9 năm 2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh

2. Ông Phùng Văn Thông

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang- Cán bộ Toà án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Không Văn H, sinh năm 1964;

- Bà Không Thị N, sinh năm 1968;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N: Ông Không Văn H, sinh năm 1964, (có mặt).

Đều ở địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Vg, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn ông Không Văn H (đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bà Không Thị N) trình bày: Ông và vợ ông là bà Không Thị N có vay vốn của Ngân hàng để kinh doanh thức ăn chăn nuôi là cám nuôi lợn, việc kinh doanh của vợ chồng ông bà thì không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đăng ký kinh doanh. Ngày 10/4/2015 ông H, bà N và ông T có hợp đồng miệng thỏa thuận với nhau về việc ông T mua cám chăn nuôi của ông bà, hai bên thống nhất về giá cả mua bán.

Theo đó ông bà bán cho ông T chuyển cám này lợn ăn hết thì chuyển sau trở sang ông T trả nợ hết chuyển trước. Cứ như vậy ông T gọi điện hết thì ông H lại chở cám sang cho ông T. Nhưng thực tế ông T không thực hiện như cam kết, cứ nợ gởi lên chồng chất, mặc dù ông T đã bán rất nhiều lứa lợn có tiền mà không trả nợ cho ông H bà N, cứ khát lần khát lượt. Đến ngày 12/5/2019, ông H bà N thông báo số tiền nợ của ông T, yêu cầu ông T trả hết nợ cho ông H bà N nhưng ông T không trả. Ông H bà N đã thông báo chấm dứt không bán cám cho ông T được nữa. Ông H sang đòi tiền mãi không được, đến ngày 30/5/2020 ông T viết giấy Biên nhận nợ ông H bà N số tiền cám là 168.000.000đ. Nhưng đến nay ông T vẫn chưa trả cho ông H bà N được đồng nào.

Nay ông H bà N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đỗ Văn T phải trả cho vợ chồng ông bà toàn bộ số tiền 168.000.000 đồng. Đối với yêu cầu về lãi suất thì vợ chồng ông xin được rút toàn bộ, vợ chồng ông không yêu cầu ông T phải chịu lãi suất của số tiền trên.

Bị đơn ông Đỗ Văn T trình bày: Ông thừa nhận toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn về việc mua bán thức ăn chăn nuôi từ năm 2015 là đúng. Ông xác nhận hiện ông còn nợ vợ chồng ông Khổng Văn H bà Khổng Thị N số tiền 168.000.000 đồng. Nay ông H bà N khởi kiện yêu cầu ông phải trả số tiền 168.000.000 đồng, ông đồng ý. Tuy nhiên hiện do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông không trả ngay cho vợ chồng ông H, bà N số tiền trên được, ông xin được trả dần mỗi quý 5.000.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 9 năm 2020, bà Nguyễn Thị C là vợ ông T trình bày: Toàn bộ giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi giữa chồng bà với vợ chồng ông H bà N thì bà không nắm được vì bà không liên quan gì đến việc chăn nuôi của ông T. Việc chăn nuôi, thu nhập từ chăn nuôi của ông T như thế nào bà cũng không biết. Sinh hoạt chi tiêu trong gia đình là do bà làm rau màu và đi chợ mà có, ông T chưa bao giờ đưa tiền cho bà. Nay ông H bà N khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ số tiền 168.000.000đ, quan điểm của bà: Ông T phải có trách nhiệm trả nợ số tiền trên cho ông H bà N, bà và các con bà không liên quan.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng trong vụ án; người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án chưa xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166, 357, 440, 430 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Khổng Văn H, bà Khổng Thị N. Buộc ông Đỗ Văn T phải trả cho vợ chồng ông Khổng Văn H, bà Khổng Thị N số tiền 168.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Khổng Văn H bà Khổng Thị N khởi kiện ông Đỗ Văn T. Ông T hiện có hộ khẩu tại thôn T, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại thời điểm thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Kiện đòi tài sản” là chưa chính xác, bởi lẽ: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc mua bán thức ăn gia súc, có thỏa thuận hợp đồng miệng với nhau về phương thức và thời gian thanh toán. Quá trình thực hiện hợp đồng, một trong các bên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4]. Về nội dung: Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận ngày 06/02/2020 bị đơn là ông Đỗ Văn T đã viết giấy xác nhận thể hiện việc ông T nợ vợ chồng ông Khổng Văn H, bà Khổng Thị N số tiền cám chăn nuôi lợn là 168.000.000 đồng. Đồng thời xác nhận thời hạn trả nợ cho ông H, bà N toàn bộ số tiền trên là đến ngày 30/5/2020. Vì vậy đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Thực tế sau khi các bên lập giấy xác nhận thể hiện nhận nợ, xác nhận thời hạn trả nợ ngày 06/02/2020 thì ông T đã không thanh toán cho ông H, bà N bất cứ khoản tiền nào. Vì vậy việc khởi kiện của ông H, bà N là có căn cứ, hợp pháp. Đối với ông T quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa xin được trả dần cho ông H, bà N mỗi quý 5.000.000 đồng, việc ông T đưa ra phương án và thời hạn trả nợ như trên là không phù hợp, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà N. Vì vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T phải trả cho vợ chồng ông H, bà N số tiền 168.000.000 đồng là phù hợp.

Do ông H, bà N có đơn rút toàn bộ yêu cầu về lãi suất, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị C là vợ ông T, quá trình chuẩn bị xét xử Toà án đã tiến hành lấy lời khai của bà C theo quy định của pháp luật. Việc lấy lời khai thể hiện bà C không liên quan gì đến việc mua bán thức ăn chăn nuôi giữa vợ chồng ông H, bà N và ông T. Bản thân bà C cũng không liên quan gì đến việc chăn nuôi của ông T. Toàn bộ thu nhập của bà C là do bà làm rau màu, đi chợ mà có. Nguyên đơn ông H cũng có đơn đề nghị gửi Toà án, thể hiện việc bà C không liên quan gì đến việc mua bán thức ăn chăn nuôi giữa vợ chồng ông và ông T. Đồng thời ông đề nghị Toà án xác định người có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông số tiền 168.000.000 đồng chỉ duy nhất là ông T. Vì vậy Hội đồng xét xử không buộc bà C phải liên đới trả nợ cùng ông T là phù hợp, có căn cứ.

[5]. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn ông Không Văn H, bà Không Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Đỗ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 357, Điều 468, Điều 440 và Điều 430 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Không Văn H, bà Không Thị N.

Buộc ông Đỗ Văn T phải trả cho vợ chồng ông Không Văn H, bà Không Thị N số tiền 168.000.000đ (Một trăm sáu tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông H bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không trả số tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí:

Ông Không Văn H, bà Không Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông H, bà N số tiền 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0005085 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V (ông H là người nộp).

Ông Đỗ Văn T phải chịu 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V .
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh

